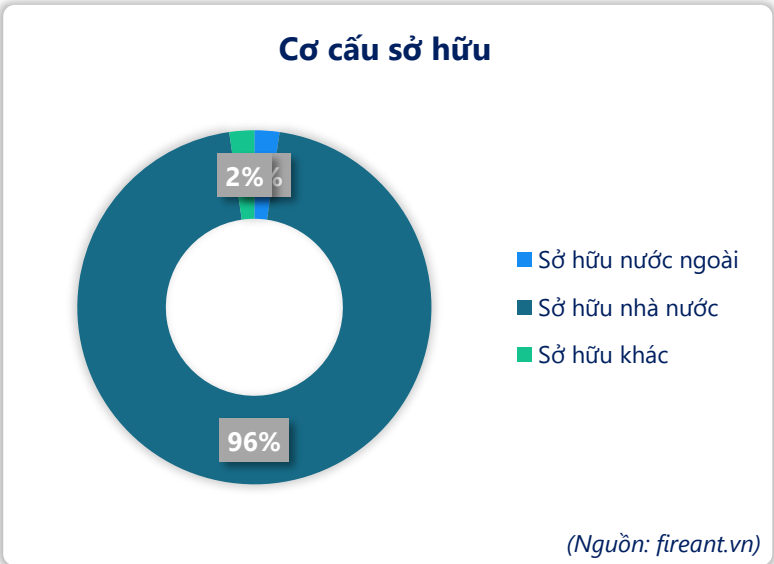
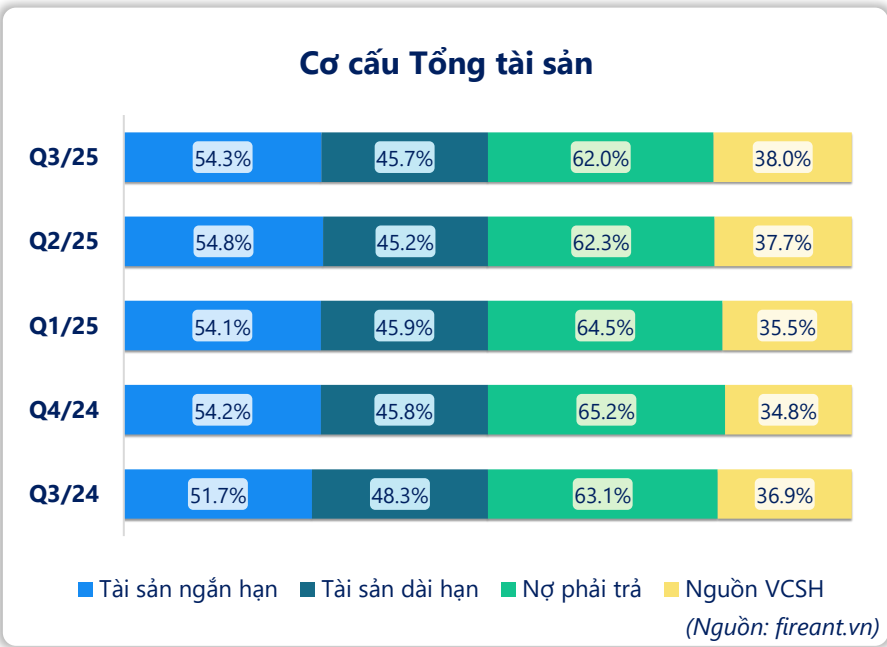
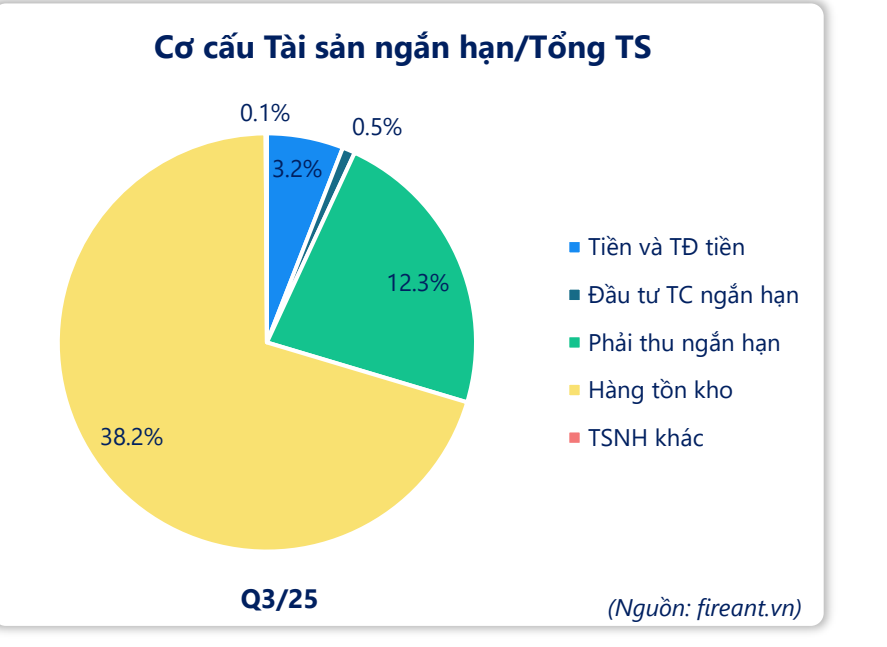
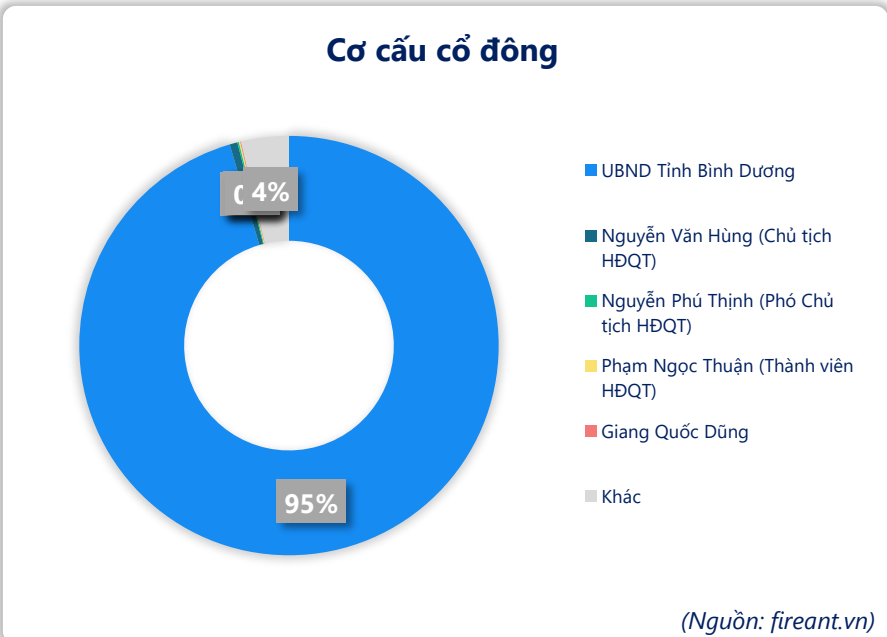
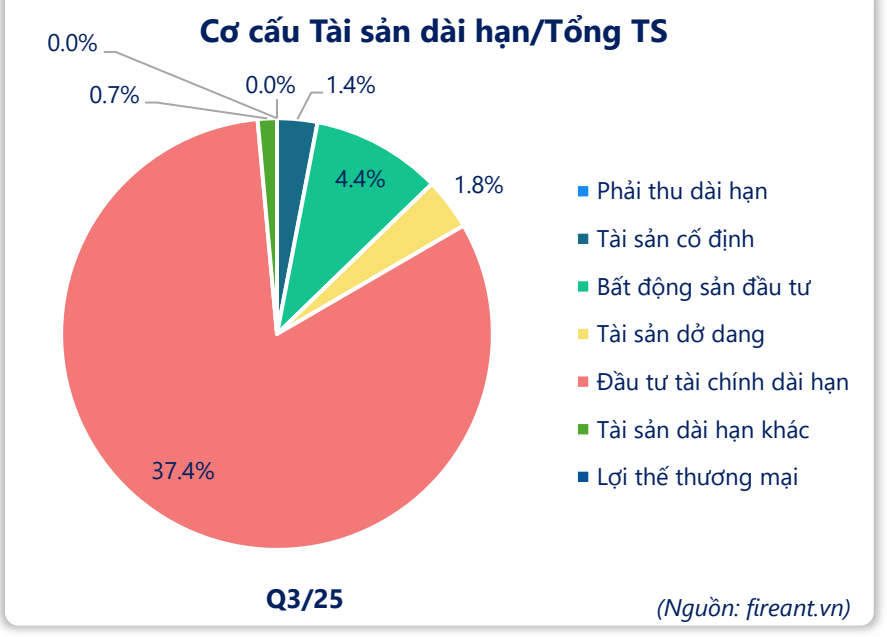
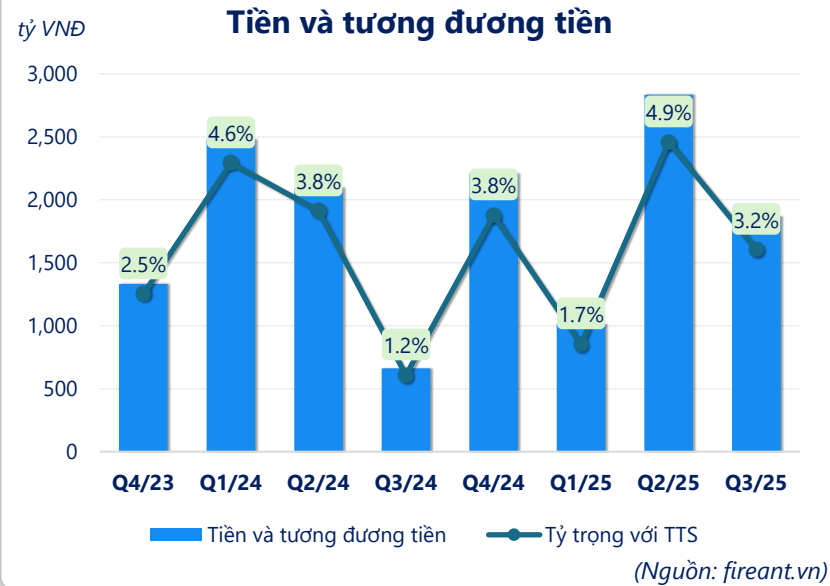
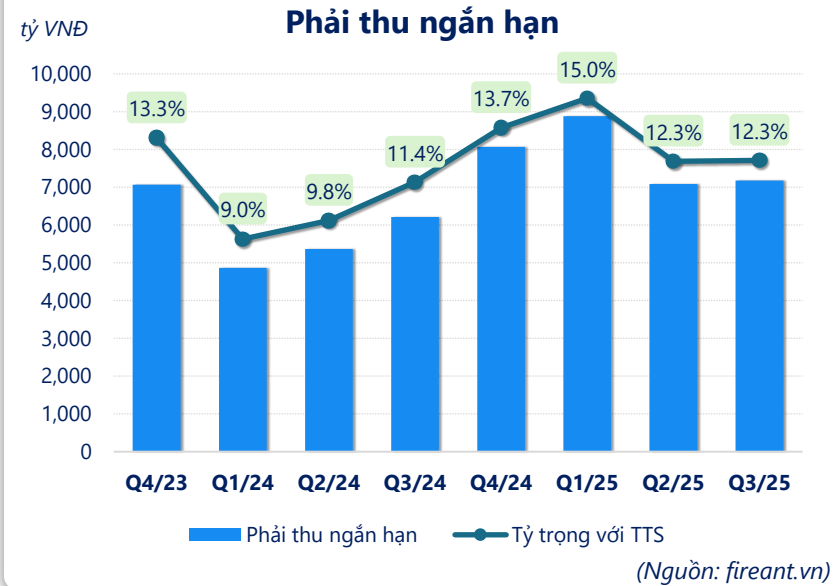
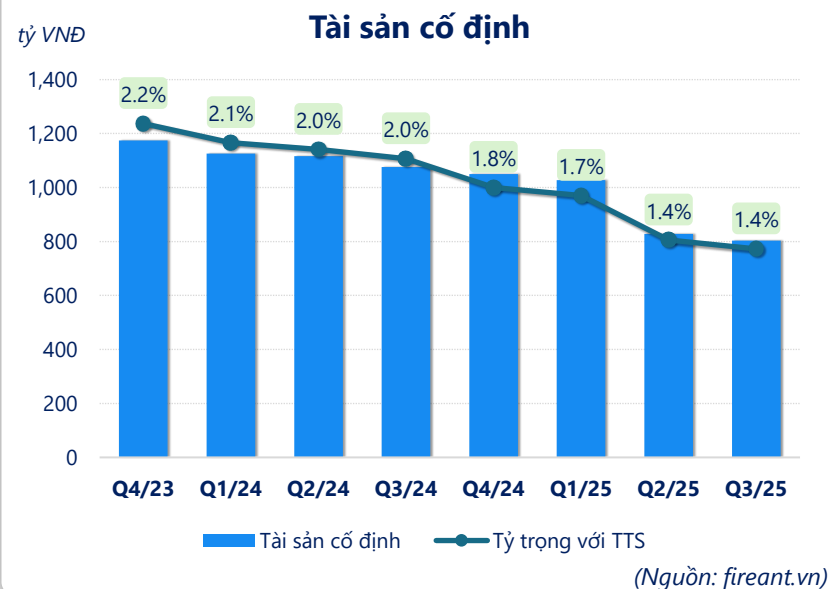
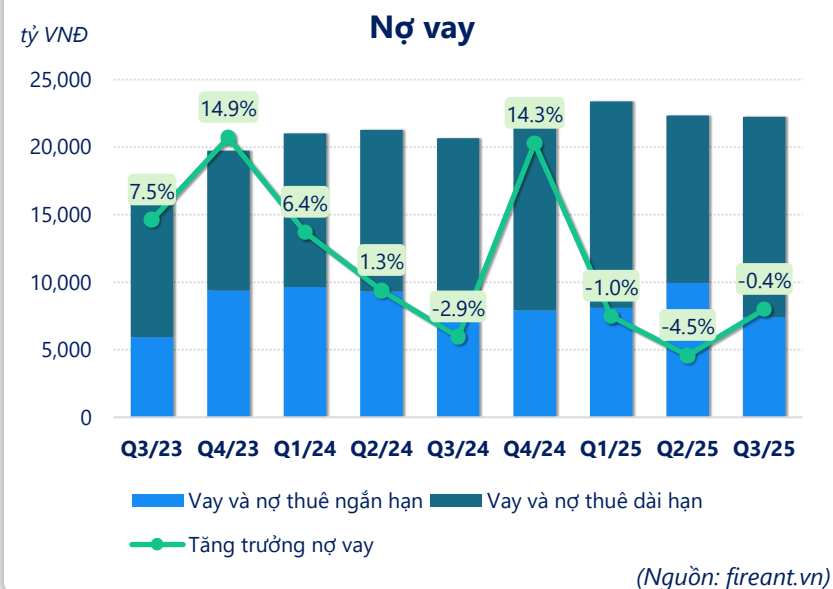
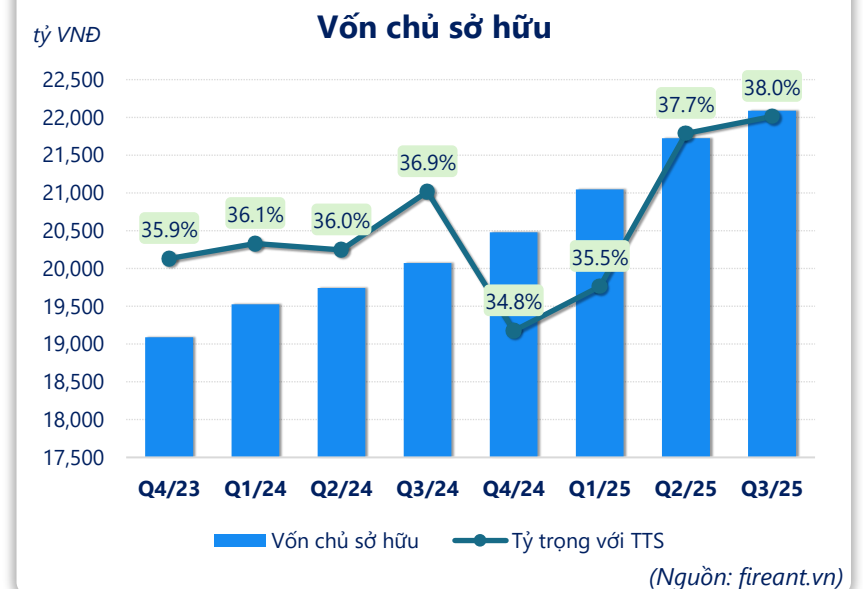
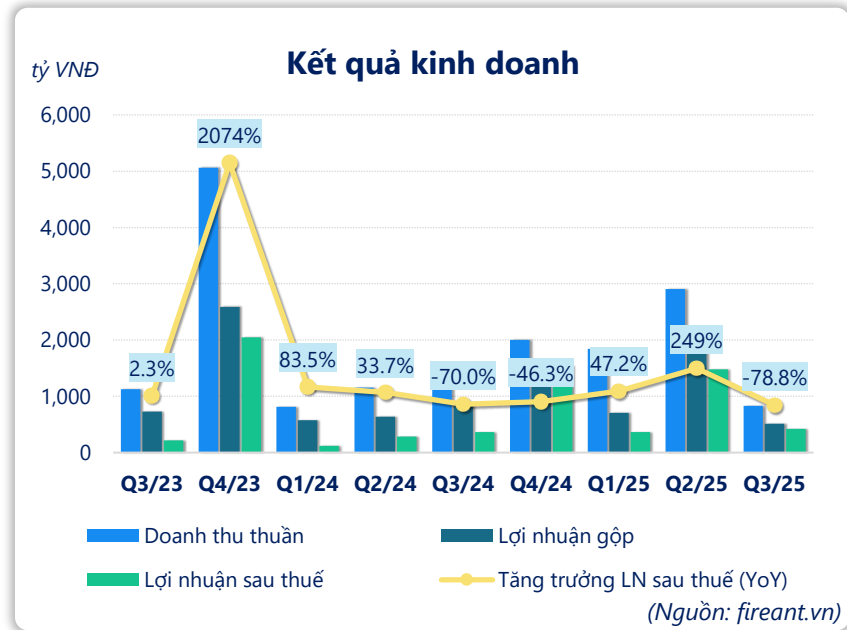
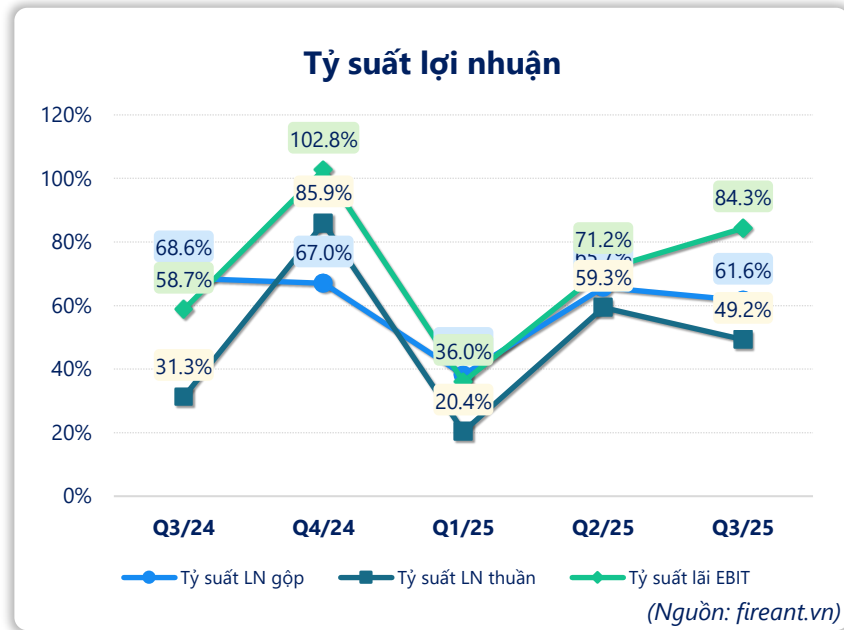
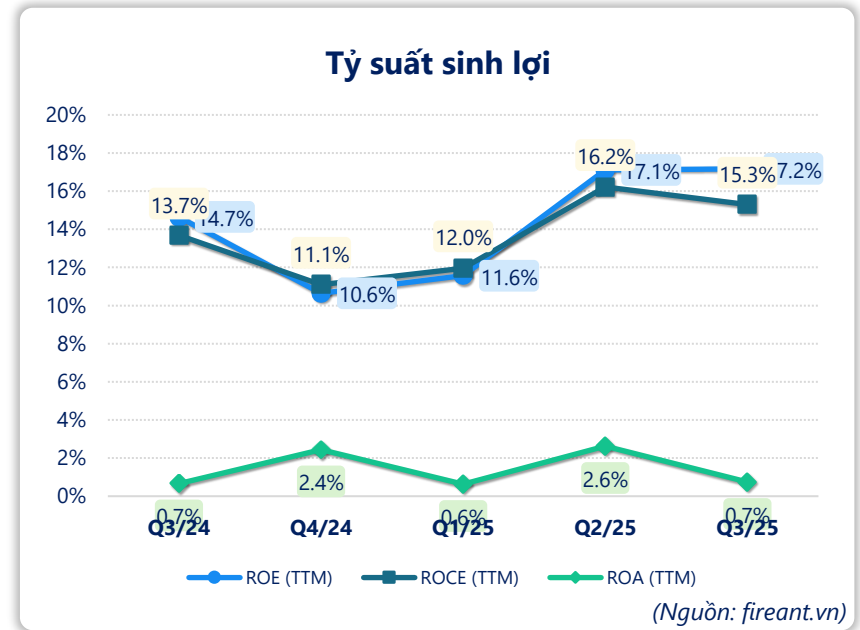
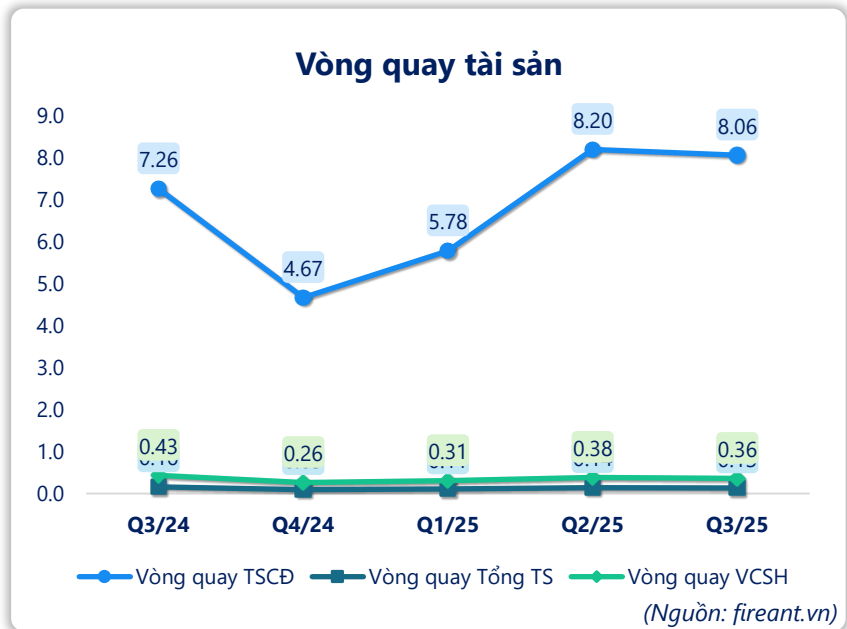
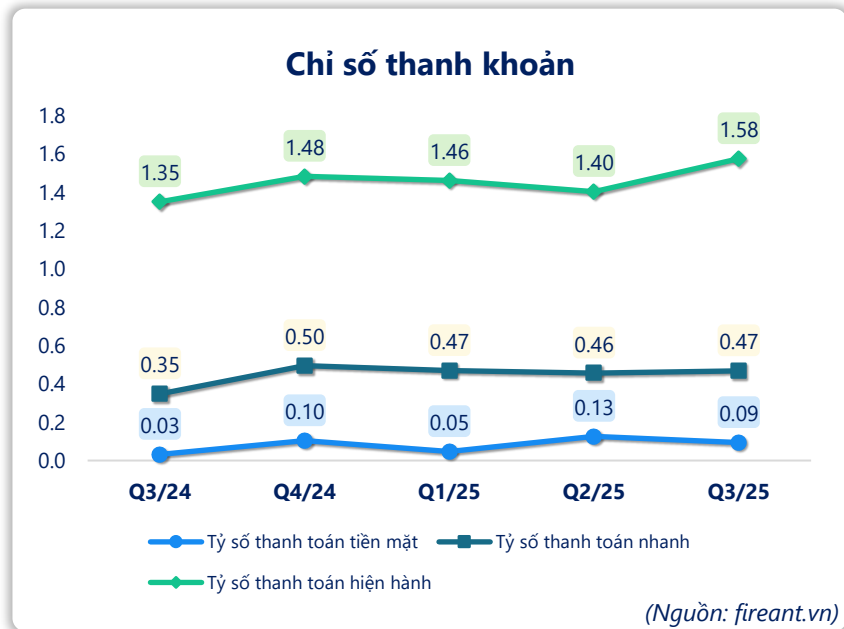
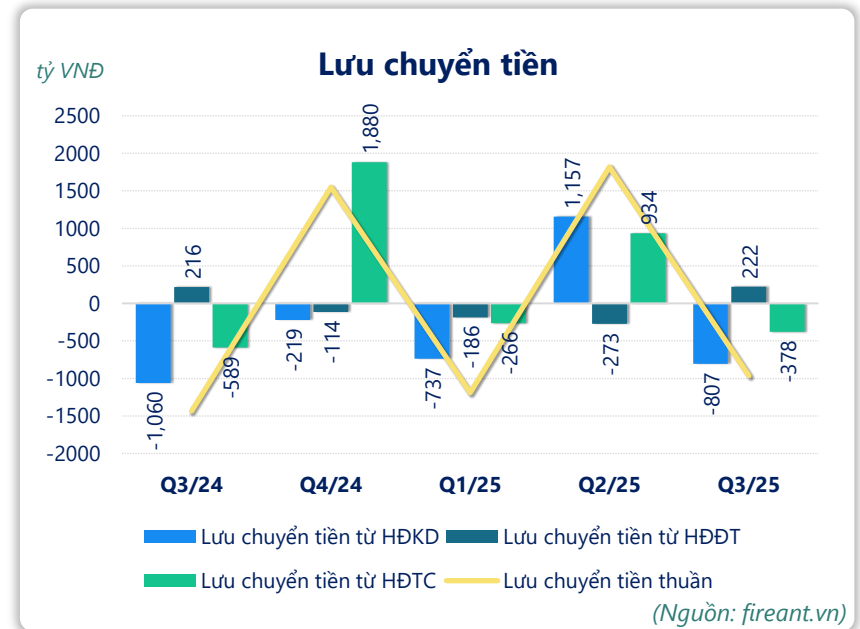


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		66,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		81,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		52,000
SL cổ phiếu LH		1,035,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		310,510
% sở hữu nước ngoài		2.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		69,242
P/E		19.1
EPS		3,497

	YTD	1T	3T	6T
BCM	-5.5%	-1.3%	0.8%	-11.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	58,182	58,781	-1.0%
Tài sản ngắn hạn	31,594	31,704	-0.3%
Tiền và tương đương tiền	1,869	2,205	-15.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	310	300	3.3%
Phải thu ngắn hạn	7,180	8,064	-11.0%
Hàng tồn kho	22,203	21,055	5.5%
Tài sản ngắn hạn khác	32.1	80.4	-60.1%
Tài sản dài hạn	26,588	27,077	-1.8%
Phải thu dài hạn	0	413	-100%
Tài sản cố định	803	1,062	-24.4%
Bất động sản đầu tư	2,588	2,662	-2.8%
Tài sản dở dang	1,028	3,046	-66.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	21,787	19,493	11.8%
Tài sản dài hạn khác	382	400	-4.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	36,094	38,102	-5.3%
Nợ ngắn hạn	20,052	21,930	-8.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7,410	8,444	-12.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	511	575	-11.1%
Nợ dài hạn	16,042	16,172	-0.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	14,829	15,184	-2.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	22,088	20,679	6.8%
Vốn chủ sở hữu	22,088	20,679	6.8%
Vốn điều lệ	10,350	10,350	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	1,228	2,000	1,843	2,904	828
Giá vốn hàng bán	385	660	1,138	996	318
Lợi nhuận gộp	842	1,340	704	1,908	510
Doanh thu HĐTC	3.42	25.9	102	50.7	10.0
Chi phí TC	342	355	308	383	308
Chi phí lãi vay	342	355	292	369	308
LN trong công ty LKLD	243	1,189	271	543	530
Chi phí bán hàng	224	314	257	261	204
Chi phí QLDN	139	168	137	135	129
LN thuần từ HĐKD	384	1,718	376	1,723	408
Lợi nhuận khác	-5.11	-17.6	-3.31	-24.4	-17.0
LN trước thuế	379	1,701	372	1,698	391
Lợi nhuận sau thuế	363	1,540	366	1,481	422
LNST của CĐ cty mẹ	344	1,370	358	1,476	416

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1,060	-219	-737	1,157	-807
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	216	-114	-186	-273	222
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-589	1,880	-266	934	-378
Tiền đầu kỳ	2,096	663	2,205	1,015	2,833
Lưu chuyển tiền thuần	-1,433	1,547	-1,190	1,818	-964
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.02	0	0	0
Tiền cuối kỳ	663	2,210	1,015	2,833	1,869

(Nguồn: fireant.vn)